TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2024/DS -ST

Ngày: 12/08/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: *Ông Quách Mạnh Thành***.**

Các hội thẩm nhân dân: *Bà Nguyễn Anh Thư*

Ông Nguyễn Văn Vỹ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: *Ông Nguyễn Ngọc Quang* - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: *Bà Đỗ Thị Phương Thúy* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 31/2024/TLST- DS ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX - DS ngày 09 tháng 07 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/ QĐH- DS ngày 26 tháng 07 năm 2024 giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V***

Trụ sở: Số X, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPB.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H - Chức danh Giám giám đốc trung tâm xử lý nợ. (Theo văn bản ủy quyền số 62/2023/UQ-HĐUQ ngày 02/8/2023 của ngân hàng).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lý Viết T, ông Lê Văn H, bà Phạm Tuyết M - chuyên viên xử lý nợ.

*** Bị đơn:** *Ông **Lê Hữu L*** Sinh năm: 1982;

HKTT và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số X, tổ X, phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

(*Tại phiên tòa, Có mặt đại diện ủy quyền lại của ngân hàng VPB là bà Phạm Tuyết M, vắng mặt bị đơn là ông Lê Hữu L).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V là bà Phạm Tuyết M trình bày: Ông Lê Hữu L (sau đây gọi tắt là Bên vay) đã vay vốn tại VPB (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo 04 hợp đồng tín dụng như sau:

- ***Hợp đồng tín dụng số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020 cụ thể:***

- Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng);*
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay 30/10/2020;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng cá nhân.

- ***Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020 cụ thể:***

- Số tiền vay: 479.000.000 đồng *(bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng);*
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay 16/10/2020;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng cá nhân.

- ***Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021 cụ thể:***

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng);*
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay 09/07/2021;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng cá nhân.

- ***Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 cụ thể:***

- Số tiền vay: 221.000.000 đồng *(hai trăm hai mươi mốt triệu đồng);*
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay 06/04/2022;
- Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Hữu L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPB, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày

07/10/2023 ông Lê Hữu L còn nợ VPB số tiền là:

Nợ gốc: 517,544,306 đồng; Nợ lãi và phạt phạt chậm trả là: 72,484,099 đồng. Tổng cộng: **590,028,405 đồng** *(bằng chữ: năm trăm chín mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm linh lăm nghìn đồng).*

II /Nguyên đơn đề nghị:

1. Ngân hàng TMCP V (VPB) yêu cầu ông Lê Hữu L phải thanh toán cho VPB toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 07/10/2023 số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc: 517,544,306 đồng; Nợ lãi và phạt phạt chậm trả là: 72,484,099 đồng. Tổng cộng: **590,028,405 đồng** *(bằng chữ: năm trăm chín mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm linh lăm nghìn đồng).*

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày ông L thực tế thanh toán hết nợ cho VPB.

3. Yêu cầu tòa án tuyên: VPB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Lê Hữu L để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPB.

4. Ông Lê Hữu L phải chịu án phí và các chi phí khác có liên quan.

Ngoài ra, Ngân hàng V không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* *Tại phiên tòa ngày hôm nay*, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Tuyết M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm là yêu cầu ông L phải thanh toán tiền tính đến ngày 12/08/2024 số tiền là: ***735,982,380 đồng***. Trong đó nợ gốc: 517.544.306 đồng, nợ lãi: 218,438,074 đồng.

Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh được biết hiện nay ông Lê Hữu L không còn sinh sống tại nơi cư trú, ông L đi đâu không thông báo với chính quyền địa phương nên địa phương không nắm được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân thích hoặc tổ trưởng tổ dân phố theo đúng quy định tại khoản 4,5 Điều 177, điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông L không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do vậy, Tòa án tiến hành tống đạt bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật vẫn tiến hành giải quyết vụ án .

Ông Lê Hữu L đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vắng mặt lần này là lần thứ hai nên Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai áp dụng điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định tại điều 195, điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tung theo quy định tại điều 177, điều 178, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thời hạn xét xử đúng quy định của pháp luật

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đúng theo điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn không thực hiện đúng theo điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung hợp đồng tín dụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng V, buộc ông Lê Hữu L có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi như Ngân hàng V yêu cầu.

- Án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng V được chấp nhận nên Ngân hàng V không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án Ngân hàng V, ông Lê Hữu L phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về Tố tụng***:

1.1. ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***:

Đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V với ông Lê Hữu L nên xác định đây là vụ án tranh chấp tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. ***Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án***:

Ông Lê Hữu L có HKTT và cư trú tại địa chỉ cuối cùng: Tổ X (nay là số Y, tổ Z), phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. ***Về chủ thể khởi kiện*:** Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. ông Lê Hữu L không thanh toán được tiền vay cho Ngân hàng TMCP V sau khi đến hạn trả.

1.4. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu L vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân thích hoặc tổ trưởng tổ dân phố nhưng ông L đã không có mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của tòa theo điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã tống đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng ông Lê Hữu L vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. *Xét tính hợp pháp của 04 hợp đồng tín dụng:*

Ngân hàng TMCP V được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100233583, đăng ký lần đầu ngày 08/9/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 31/3/2017; Ngân hàng TMCP V và ông Lê Hữu L xác lập quan hệ tín dụng thông qua các hợp đồng tín dụng như: Hợp đồng tín dụng số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020; Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020.

Về chủ thể tham gia ký kết các Hợp đồng tín dụng là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V và ông Lê Hữu L . Xét các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2. *Về quá trình thực hiện 04 hợp đồng:*

- Hợp đồng tín dụng số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020, hạn mức thẻ 20.000.000 đồng, trong thời gian sử dụng thẻ, Ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số dư nợ cuối kỳ là 19.977.191 đồng đến ngày 26/6/2023 chuyển sang nợ

quá hạn, số tiền nợ gốc là 9.499.941 đồng, lãi phải trả 13,437,256 đồng. Số tiền còn nợ lại là **22,937,197 đồng**.

- Hợp đồng tín dụng số LD LD2029000992 ký ngày 16/10/2020 ông Lê Hữu L đã vay 479,000,000đồng, đã trả số tiền gốc là 229.032.382 đồng và số tiền lãi đã trả là: 150.329.062 đồng. Số tiền còn nợ **346,523,244 đồng.** Trong đó nợ gốc là 249,967,618 đồng, lãi phải trả là 96,555,626 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021 ông Lê Hữu L đã vay 100.000.000 đồng, trả số tiền gốc là 28.177.396 đồng và số tiền lãi đã trả là: 27.108.572 đồng. Số tiền còn nợ **102,091,687 đồng.** Trong đó nợ gốc là 71,822,604 đồng, lãi phải trả là 30,269,083 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LD LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 ông Lê Hữu L đã đã vay 221,100,000 đồng, trả số tiền gốc là 34.845.857 đồng và số tiền lãi đã trả là: 150.329.062 đồng. Số tiền còn nợ **264,430,252 đồng.** Trong đó nợ gốc là 186,254,143 đồng, lãi phải trả là 78,176, 109 đồng.

Bởi vậy, ông L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V 03 hợp đồng nêu trên tiền tính đến ngày 12/08/2024 số tiền là: ***713.045.183 đồng***. Trong đó nợ gốc: 508,044,365 đồng, nợ lãi phải trả :205,000,818 đồng.

2.3. *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020, Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Hữu L :*

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng như: Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020, Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022, giữa Ngân hàng TMCP V và ông Lê Hữu L nên Ngân hàng TMCP V đã giải ngân cho ông Lê Hữu L số tiền và đã ký nhận nợ số tiền trên. Quá trình thực hiện trả nợ tiền gốc của các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD LD2029000992 ký ngày 16/10/2020 ông Lê Hữu L đã trả số tiền gốc là 229.032.382 đồng , nợ gốc còn lại là 249,967,618 đồng,

- Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021 ông Lê Hữu L đã trả số tiền gốc là 28.177.396 đồng, nợ gốc còn lại là 71,822,604 đồng,

- Hợp đồng tín dụng số LD LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 ông Lê Hữu L đã trả số tiền gốc là 34.845.857 đồng, nợ gốc còn lại là 186,254,143 đồng.

Tại tòa hôm nay đại diện của Ngân hàng TMCP V xác nhận dư nợ gốc đến thời điểm xét xử ngày 12.8.2024 của ông L là còn nợ Ngân hàng Thịnh Vượng số tiền nợ gốc là: 508,044,365 đồng.

Vì vậy, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020, Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022, và lời khai của đại diện Ngân hàng TMCP V, có đủ căn cứ để xác nhận ông L còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là: **508,044,365 đồng** *(Năm trăm linh tám triệu, không trăm bốn mươi tư nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng)*. Việc Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán trả ngân hàng số tiền nợ gốc nói trên là có căn cứ chấp nhận và buộc ông L phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc nói trên.

2.4. *Xét về yêu cầu của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Hữu L thanh toán tiền lãi suất trong hạn, lãi suất phải trả của số tiền nợ gốc nêu trên của các hợp đồng tín dụng sau:*

- Hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020 cụ thể:

Số tiền vay: 479,000,000đồng *(Bốn trăm bảy mươi chín triệu đồng).* Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng đồ gia dụng. Lãi suất cho vay và kỳ điều chỉnh: Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 16%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm 365 ngày), được cố định trong vòng 03 tháng, kể từ ngày 16/10/2020. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/04/2022, điều chỉnh sau đó, Mức lãi suất được điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉ (+) cộng biên độ 4%/năm; - Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá tối đa 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tưng ứng với thời gian chậm trả.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: là nợ gốc còn lại là 249,967,618 đồng, lãi phải trả là 96,555,626 đồng (có bản tính lãi kèm theo).

- Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, cụ thể: Số tiền vay: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích vay vốn: vay tiêu dùng. Trong khoảng thời gian tháng, kể từ ngày 09/07/2021 đến 05/07/2026, lãi suất cho vay trong hạn là 18%/năm. Sau khoảng thời gian nêu trên, Sau đó mức lãi 03 tháng/01 lần, vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng khoản vay đối với tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 108 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ điều chỉnh tối đa 10%/năm; Lãi suất

nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Số tiền còn nợ: gốc: 71,822,604 đồng, lãi phải trả là 30,269,083 đồng (có bảng kê tính lãi).

- *Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 cụ thể:* Số tiền vay: 221,100,000 đồng *(Hai trăm hai mươi mốt triệu đồng).* Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng đồ gia dụng. Lãi suất cho vay và kỳ điều chỉnh: Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm 365 ngày), được cố định trong vòng 03 tháng, kể từ ngày 25/03/2020. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng/01 lần,vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, nay điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/04/2022, điều chỉnh sau đó, Mức lãi suất được điều chỉnh được xác định bằng lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ han 96 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉ (+) cộng biên độ 4%/năm; - Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá tối đa 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tưng ứng với thời gian chậm trả.

- Số tiền còn nợ: Gốc phải trả: là 186,254,143 đồng, lãi phải trả: 78,176,109 đồng. Tổng cộng: 252,961,844 đồng.(có bản tính lãi kèm theo).

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông L phải trả tiền lãi phải trả của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày 12/8/2024 là 205,000,818 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.5. *Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của Hợp đồng tín dụng thẻ số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Hữu L*

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 2 của hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng TMCP V xuất trình, thấy việc Ngân hàng TMCP V tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông L phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng Thịnh Vượng số tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020, hạn mức thẻ 20.000.000 đồng, (thẻ loại Platinum) trong thời gian sử dụng thẻ, Ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với số dư nợ cuối kỳ 19.977.191 đồng đến ngày

26/6/2023 chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/8/2024 là: nợ gốc: 9,499,941 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.6 *Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, Hợp đồng tín dụng thẻ số 324-P-2862800 ký ngày 30/10/2020 giữa Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Hữu L .*

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng thẻ giữa Ngân hàng TMCP V với ông Lê Hữu L ký kết ngày 30/10/2020 với hạn mức tín dụng với tổng hạn mức là 20.000.000 đồng. Khi ngân hàng đòi tiền gốc là 9.499.941 đồng đối với ông Lê Hữu L là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.7. *Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V yêu cầu thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của khoản thẻ tín dụng cấp cho ông Lê Hữu L .*

Căn cứ vào việc ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, thẻ hạn mức 20.000.000đ (thẻ loại Platinum) và quyết định 354/2019/QĐ-TGĐ ngày 31/05/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP V v/v ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng khối khách cá nhân tại Ngân hàng TMCP V, bảng kê tính lãi của ngân hàng cung cấp thì các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông L phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam số tiền lãi của hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/8/2024 là: 13,437,256 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do Ngân hàng TMCP V được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phỉa nộp án phí, hoàn lại số tiền ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí, bị đơn ông L phải chịu toàn bộ án phí án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 398, Điều 400,Điều 401,Điều 402, Điều 403 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào mục 3 phần I thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử thi hành án về tài sản.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hưỡng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí kèm theo nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Hữu L

Buộc ông Lê Hữu L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và nợ lãi theo 04 hợp đồng tín dụng số LD2029000992 ký ngày 16/10/2020, Hợp đồng tín dụng số LD2119001096 ký ngày 09/07/2021, Hợp đồng tín dụng số LD2209601989 ký ngày 06/04/2022 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/8/2024 là: ***737,982,380 đồng*** *(bằng chữ*: *Bảy trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi đồng)*. Trong đó nợ gốc: 517.544.306 đồng, nợ lãi phải trả: 218.438.074 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm hợp ông Lê Hữu L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Lê Hữu L phải chịu 33.519.295 đồng *(ba mươi ba triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm chín năm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 14.750.000 đồng *(Mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011301 ngày 15.03.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn là ông Lê Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Q.Hoàng Mai;*
- *TAND phố Hà Nội;*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án./.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Mạnh Thành